

KẾ HOẠCH
Chuyển đổi số trên địa bàn đặc Khu Kiên Hải năm 2026

Căn cứ Kế hoạch số 237/KH-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc Chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh An Giang năm 2026. Ủy ban nhân dân đặc khu ban hành Kế hoạch chuyển đổi số trên địa bàn đặc khu Kiên Hải năm 2026, với các nội dung như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Cụ thể hoá, kịp thời các chủ trương của Đảng, Chính phủ về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; Chương trình cải cách hành chính nhà nước; yêu cầu thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp¹.

¹ Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung cập nhật Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03 tháng 6 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng năm 2030; Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15 tháng 6 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030; Quyết định số 411/QĐ-TTg ngày 31 tháng 3 tháng 2022 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Quyết định số 146/QĐ-TTg ngày 28 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Nâng cao nhận thức, phổ cập kỹ năng và phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”; Quyết định số 964/QĐ-TTg ngày 10 tháng 8 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược An toàn, An ninh mạng quốc gia, chủ động ứng phó với các thách thức từ không gian mạng đến năm 2025, tầm nhìn 2030; Quyết định số 1690/QĐ-TTg ngày 26 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Kiện toàn tổ chức bộ máy, nâng cao năng lực quản lý nhà nước và thực thi pháp luật về chuyển đổi số từ trung ương đến địa phương đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”; Quyết định số 142/QĐ-TTg ngày 02 tháng 02 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược dữ liệu quốc gia đến năm 2030; Nghị quyết số 214/NQ-CP ngày 23 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ ban hành Kế hoạch hành động của Chính phủ về thúc đẩy tạo lập dữ liệu phục vụ chuyển đổi số toàn diện.

Chương trình hành động số 02-CTr/TU ngày 22 tháng 8 năm 2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh An Giang thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị; Kế hoạch số 97/KH-UBND ngày 15 tháng 9 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang triển khai thực hiện Nghị quyết số 214/NQ-CP ngày 23/7/2025 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch thúc đẩy tạo lập dữ liệu phục vụ chuyển đổi số toàn diện trên địa bàn tỉnh An Giang; Kế hoạch số 132/KH-UBND ngày 07 tháng 10 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang triển khai thực hiện Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ và Chương trình hành động số 02-CTr/TU ngày 22/8/2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; Kế hoạch số 205/KH-UBND ngày 08 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về phát triển hạ tầng số trên địa bàn tỉnh An Giang giai đoạn 2025 – 2030.

- Nâng cao nhận thức của người dân toàn xã hội về vai trò, ý nghĩa và lợi ích của chuyển đổi số. Thúc đẩy sự tham gia vào cuộc của cả hệ thống chính trị, hành động đồng bộ ở các cấp và sự tham gia của toàn dân bảo đảm sự thành công của chuyển đổi số trên địa bàn đặc khu.

- Phát huy những thành tích đạt được và khắc phục một số tồn tại, hạn chế của công tác chuyển đổi số thời gian qua. Đẩy nhanh tiến độ triển khai các nhiệm vụ về chuyển đổi số đặc khu Kiên Hải năm 2026, định hướng đến năm 2030.

2. Yêu cầu

- Việc tổ chức triển khai, thực hiện các nội dung, chỉ tiêu và nhiệm vụ, giải pháp thực hiện công tác chuyển đổi số trên địa bàn đặc khu phải được tiến hành nghiêm túc, chất lượng, hiệu quả, thiết thực, bám sát thực tiễn, điều kiện thực tế, có tính đột phá.

- Các mục tiêu cần rõ ràng, định lượng, có tính khả thi, rõ phương pháp đánh giá, đo lường kết quả; đảm bảo đúng đối tượng, nội dung, thời gian và tiến độ thực hiện.

- Hình thức thông tin, truyền thông cần linh hoạt, kịp thời, hiệu quả, để mọi công dân tiếp cận thông tin và tham gia cùng cộng đồng thực hiện thành công các chỉ tiêu, nghị quyết của cấp trên ban hành.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

- Lấy người dân, doanh nghiệp là trung tâm, là chủ thể và là mục tiêu của chuyển đổi số, người dân, doanh nghiệp được thụ hưởng những thành quả do chuyển đổi số mang lại theo tinh thần “không để ai bị bỏ lại phía sau”.

- Tập trung nâng cấp, hoàn thiện hạ tầng, triển khai các nền tảng số, dữ liệu mở, cơ sở dữ liệu dùng chung tạo nền tảng triển khai chuyển đổi số đảm bảo an toàn thông tin phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của Đặc khu.

- Tiếp tục cụ thể hóa triển khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung cập nhật Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

2. Mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể: (Phụ lục I kèm theo)

III. NHIỆM VỤ

1. Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành; kiểm tra, giám sát hoạt động chuyển đổi số

- Xây dựng Kế hoạch hoạt động của Ban Chỉ đạo về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06; Kế hoạch kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện các nhiệm vụ chuyển đổi số của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn Đặc khu và tổ chức thực hiện kiểm tra, giám sát theo Kế hoạch đã được ban hành.

- Tăng cường trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân, nhất là người đứng đầu các cơ quan hành chính nhà nước trong việc triển khai chuyển đổi số. Người đứng đầu chịu trách nhiệm, nêu gương, truyền cảm hứng trong chuyển đổi số của cơ quan, tổ chức, lĩnh vực, địa bàn mình phụ trách.

- Thường xuyên theo dõi, chỉ đạo và tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện tiến độ các kế hoạch, nhiệm vụ chuyển đổi số; kịp thời tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc, “điểm nghẽn” trong quá trình triển khai thực hiện và tổng kết, đánh giá kết quả để tiếp tục đề ra phương hướng, giải pháp triển khai hiệu quả, thực chất.

- Đẩy mạnh công tác chỉ đạo, điều hành dựa trên cơ sở dữ liệu thời gian thực, nhất là Bộ chỉ số phục vụ người dân và doanh nghiệp trên môi trường điện tử theo Quyết định 766/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ; các hoạt động kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước được thực hiện thông qua môi trường số.

2. Thể chế số, chính sách số

- Xây dựng các văn bản, kế hoạch thực thi các chương trình, kế hoạch triển khai các nhiệm vụ chuyển đổi số.

- Thực hiện có hiệu quả các văn bản, chính sách về thúc đẩy chuyển đổi số các ngành, lĩnh vực tại địa phương như: thu hút nguồn nhân lực, tuyển dụng, xét nâng lương, nâng ngạch, hỗ trợ chế độ đội ngũ cán bộ làm chuyển đổi số; khuyến khích, thúc đẩy sử dụng dịch vụ công trực tuyến đối với người dân, doanh nghiệp; chính sách hỗ trợ chuyển đổi số cho các doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp khởi nghiệp, mới thành lập;... theo hướng dẫn của các cơ quan, ban, ngành tỉnh.

- Triển khai thực hiện tốt các quy chế, quy định về khai thác, vận hành các hệ thống, nền tảng, dữ liệu; đối với các HTTT, CSDL (nhất là các CSDL dùng chung, các CSDL ngành) để tạo thuận lợi trong kết nối, chia sẻ dữ liệu.

3. Hạ tầng số

Triển khai xây dựng, phát triển hạ tầng số trên nguyên tắc hạ tầng số phải được ưu tiên đầu tư, hiện đại hóa và đi trước một bước để thúc đẩy chuyển đổi số, phục vụ Chính quyền số, kinh tế số, xã hội số, bao gồm:

- Xây dựng, rà soát bổ sung, chỉnh sửa, cập nhật Kế hoạch phát triển hạ tầng số đến năm 2030 của đặc khu đảm bảo phù hợp với yêu cầu, tình hình thực tế.

- Điều chỉnh, rà soát bổ sung quy hoạch đặc khu theo quy hoạch tỉnh trong đó ưu tiên cho phát triển hạ tầng số (không gian, vị trí, tạo điều kiện để phát triển nhà trạm thu phát sóng di động, hạ tầng băng rộng, trạm trung chuyển Internet khi được đầu tư nâng cấp hệ thống).

- Ưu tiên khai thác, sử dụng hiệu quả hạ tầng số dùng chung cấp quốc gia (Mạng truyền số liệu chuyên dùng, Trung tâm dữ liệu tỉnh).

- Tổ chức triển khai các mạng diện rộng của tỉnh tại đặc khu, sử dụng hạ tầng kết nối Mạng truyền số liệu chuyên dùng.

- Phát triển hạ tầng viễn thông, Internet đáp ứng yêu cầu dự phòng, kết nối, an toàn, bền vững, mạng cáp quang băng thông rộng tốc độ cao, mạng thông tin di động 5G, 6G và các thế hệ tiếp theo phủ sóng toàn đặc khu.

4. Nhân lực số

- Tăng cường công tác phối hợp với ban, ngành tỉnh bồi dưỡng, tập huấn kiến thức, kỹ năng về chuyển đổi số nói chung, chính quyền số, kinh tế số, an toàn thông tin cho cán bộ công chức, viên chức, người lao động; bồi dưỡng, hỗ trợ kỹ thuật chuyên biệt và thường xuyên cho đội ngũ cán bộ tập trung vào kỹ năng vận hành các nền tảng dùng chung và kỹ năng hỗ trợ người dân sử dụng dịch vụ số.

- Phối hợp với các ban, ngành sở triển khai các hoạt động bồi dưỡng, tập huấn chuyên sâu về kiến trúc dữ liệu, phân tích dữ liệu, trí tuệ nhân tạo; sử dụng dữ liệu hỗ trợ ra quyết định, xây dựng chính sách, công tác chỉ đạo điều hành của lãnh đạo; về an toàn thông tin; đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn cho đội ngũ chuyên trách chuyển đổi số, cán bộ phụ trách an toàn thông tin,...

- Thực hiện truyền thông chính sách, phổ biến thông tin về Chính phủ số, Chính quyền số, các nền tảng số, chính sách dữ liệu, AI, chuyển đổi số đến người dân, doanh nghiệp.

- Phối hợp các ban, ngành tỉnh và đặc khu tổ chức phổ cập kỹ năng số cho người dân, hướng dẫn người dân sử dụng các dịch vụ số của cơ quan nhà nước thông qua Nền tảng Bình dân học vụ số, Tổ công nghệ số cộng đồng và các hoạt động xã hội hóa.

5. Phát triển dữ liệu số

Triển khai thực hiện đầy đủ các nội dung về nhiệm vụ, giải pháp phát triển dữ liệu số theo Kế hoạch số 97/KH-UBND ngày 15 tháng 9 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang triển khai thực hiện Nghị quyết số 214/NQ-CP ngày 23/7/2025 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch thúc đẩy tạo lập dữ liệu phục vụ chuyển đổi số toàn diện trên địa bàn tỉnh; triển khai xây dựng các cơ sở dữ liệu chuyên ngành bảo đảm đồng bộ, hiệu quả, tránh trùng lặp, trong đó ưu tiên các lĩnh vực trọng điểm, thế mạnh của Đặc khu về du lịch, giáo dục, y tế, thương mại và dịch vụ.

6. An toàn thông tin mạng

Triển khai nhiệm vụ bảo đảm an toàn thông tin theo cấp độ cho các hệ thống thông tin bao gồm: Xây dựng hồ sơ đề xuất cấp độ; triển khai phương án bảo vệ theo hồ sơ đã được phê duyệt; thực hiện kiểm tra, đánh giá định kỳ; phân đấu đảm bảo 100% hệ thống thông tin được phê duyệt hồ sơ đề xuất cấp độ và triển khai

đầy đủ phương án bảo đảm an toàn thông; thực hiện nguyên tắc hệ thống chưa được kết luận bảo đảm an toàn thông tin mạng chưa đưa vào sử dụng.

7. Chính quyền số

7.1. Đẩy mạnh cung cấp dịch vụ công trực tuyến

- Đẩy mạnh cung cấp dịch vụ công trực tuyến, phần đầu 80% hồ sơ thủ tục hành chính là hồ sơ trực tuyến toàn trình được đảm bảo; 100% thủ tục hành chính được thực hiện không phụ thuộc vào địa giới hành chính trong phạm vi cấp tỉnh; 100% thủ tục hành chính liên quan đến doanh nghiệp được thực hiện trực tuyến, thông suốt, liền mạch; 95% người dân, doanh nghiệp đánh giá hài lòng khi sử dụng dịch vụ công trực tuyến.

- Thực hiện rà soát, cập nhật hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của đặc khu đáp ứng yêu cầu kỹ thuật, nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ công trực tuyến.

- Phối hợp các ngành triển khai các giải pháp để định danh và xác thực người dùng dịch vụ công trực tuyến thông suốt, hợp nhất giữa các nền tảng, hệ thống cung cấp dịch vụ công trực tuyến, hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính thông qua định danh điện tử VNeID.

- Thực hiện tốt việc cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, bảo đảm cung cấp dịch vụ công trực tuyến thuận lợi, đơn giản hơn thực hiện trực tiếp trên cơ sở số hóa, tái sử dụng dữ liệu, liên thông điện tử.

7.2. Triển khai quản trị số để nâng cao hiệu quả quản trị, điều hành thông qua sử dụng các nền tảng số, dữ liệu số

- Triển khai các nhiệm vụ, giải pháp quản trị số để nâng cao hiệu quả quản trị, điều hành thông qua sử dụng các nền tảng số, dữ liệu số theo Quyết định số 1012/QĐ-TTg ngày 20/9/2024 của Thủ tướng Chính phủ.

- Thường xuyên rà soát, nâng cấp các hệ thống, nền tảng số dùng chung của tỉnh đảm bảo vận hành ổn định, thông suốt, hiệu quả đáp ứng theo mô hình chính quyền địa phương 02 cấp.

8. Kinh tế số và xã hội số

8.1. Triển khai các hoạt động phát triển kinh tế số, xã hội số

- Triển khai các nhiệm vụ, giải pháp: phổ cập định danh số, thanh toán điện tử, hóa đơn điện tử, chữ ký số và chứng thực chữ ký số,... trong các ngành, lĩnh vực của đời sống, các hoạt động kinh tế - xã hội.

- Khuyến khích các hộ kinh doanh, doanh nghiệp thực hiện giải pháp hoá đơn điện tử khởi tạo từ máy tính tiền đối với dịch vụ ăn uống, chống thất thu thuế, thất thu ngân sách.

- Tiếp tục tuyên truyền, hỗ trợ, thúc đẩy chuyển đổi số, thanh toán không dùng tiền mặt trong các trường học, cơ sở y tế của đặc khu.

8.2. Triển khai hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi số

- Triển khai các nhiệm vụ hỗ trợ các doanh nghiệp vừa và nhỏ chuyển đổi số. Trong đó, hỗ trợ, đánh giá mức độ chuyển đổi số doanh nghiệp theo Quyết định 1567/QĐ-BKHCN ngày 30/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành bộ tiêu chí đánh giá - mức độ chuyển đổi số doanh nghiệp.

- Tiếp tục triển khai các nội dung tại Kế hoạch số 38/KH-UBND ngày 08/8/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp tư nhân, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh năm 2026 và giai đoạn 2026 - 2028 trên địa bàn tỉnh An Giang.

8.3. Tăng cường công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức của người dân về vai trò, lợi ích của chữ ký số công cộng trong chuyển đổi số

- Hỗ trợ việc hướng dẫn cách thức đăng ký, sử dụng chữ ký số, kiểm tra chữ ký số nhằm thúc đẩy người dân thực hiện các thủ tục hành chính trên môi trường mạng và các hoạt động khác.

- Thực hiện tốt việc ký kết với các doanh nghiệp, công ty tài trợ hướng dẫn các phần mềm quản lý điều hành và tác nghiệp trong chuyển đổi số của đặc khu đến năm 20230.

- Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ trong việc cấp, thu hồi, kiểm tra chữ ký số và tích hợp, kết nối ký số vào Cổng kết nối dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng theo Thông tư số 15/2025/TT-BKHCN ngày 15/8/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.

9. Nâng cao nhận thức, tuyên truyền, truyền thông và các giải pháp khác đẩy mạnh chuyển đổi số, đảm bảo an toàn thông tin

- Triển khai các hoạt động hưởng ứng Ngày Chuyển đổi số quốc gia năm 2026 trên địa bàn đặc khu trên cơ sở hướng dẫn của tỉnh và điều kiện thực tế của địa phương bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả, phù hợp với mục đích, ý nghĩa, chủ đề của Ngày Chuyển đổi số quốc gia năm 2026.

- Phát động phong trào thi đua Chuyển đổi số trong cơ quan nhà nước nhằm đẩy mạnh thực hiện chuyển đổi số, nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý của các cơ quan nhà nước, phục vụ người dân và doanh nghiệp.

- Ứng dụng các kênh truyền thông đa dạng để tuyên truyền, truyền thông các chủ trương, định hướng chuyển đổi số, phát triển chính quyền số, kinh tế số, xã hội số trên địa bàn đặc khu.

(Phụ lục II kèm theo)

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ của Kế hoạch từ nguồn ngân sách nhà nước theo phân cấp và phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách nhà nước; các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

2. Căn cứ nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch, các cơ quan, đơn vị chủ động cân đối, lồng ghép trong kinh phí chi thường xuyên và các nguồn hợp pháp khác để thực hiện. Các nhiệm vụ đề ra phải đảm bảo không trùng lặp với các chương

trình, kế hoạch, đồng thời chịu trách nhiệm thanh quyết toán kinh phí đảm bảo theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

3. Dự kiến tổng nhu cầu kinh phí thực hiện chuyển đổi số trong năm 2026 trên địa bàn đặc khu 1.400.000.000 đồng (Một tỷ, bốn trăm triệu đồng) – theo danh mục đăng ký nội dung thực hiện chuyển đổi số năm 2026 đã gửi Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phòng Văn hoá – Xã hội đặc khu

- Chủ trì, phối hợp các ban, ngành tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch này; kiểm tra, đôn đốc các đơn vị thực hiện hiệu quả Kế hoạch.

- Định kỳ, đột xuất báo cáo Ủy ban nhân dân đặc khu, Sở Khoa học và Công nghệ về tình hình ứng dụng công nghệ thông tin, xây dựng Chính quyền điện tử, chuyển đổi số trên địa bàn; Chủ trì phối hợp các cơ quan, đơn vị triển khai và thực hiện việc đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin xây dựng Chính quyền điện tử, Chính quyền số phục vụ Cải cách hành chính trên địa bàn đặc khu.

- Phối hợp phòng Kinh tế nguồn kinh phí đào tạo, bồi dưỡng nâng cao nhận thức cho cán bộ, công chức, viên chức về Chuyển đổi số.

- Xây dựng kế hoạch đào tạo nguồn nhân lực công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong hệ thống ngành giáo dục trên địa bàn; ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số vào công tác giảng dạy và học tập trong các trường học; đẩy mạnh thực hiện việc dạy và học trực tuyến tại các cấp học trên địa bàn đặc khu.

- Chủ trì phối hợp với các cơ quan có liên quan triển khai ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong dịch vụ kinh doanh du lịch; Đẩy mạnh việc triển khai và thực hiện có hiệu quả các giải pháp thanh toán không dùng tiền mặt trong các cơ sở kinh doanh dịch vụ du lịch tại địa phương.

2. Văn phòng HĐND- UBND đặc khu

- Tham mưu Ủy ban nhân dân triển khai thực hiện tốt việc số hóa hồ sơ; ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, chỉ đạo điều hành (*Mail điện tử, văn phòng điện tử, phòng họp không giấy, phòng họp trực tuyến, mạng đường truyền nội bộ, an toàn thông tin mạng đặc khu...*).

- Kịp thời theo dõi, tham mưu UBND về tiến độ thực hiện kế hoạch đảm bảo thông suốt, đồng bộ từ tỉnh đến địa phương.

3. Phòng Kinh tế đặc khu

- Phối hợp với phòng Văn hoá - Xã hội tham mưu Đảng uỷ, UBND đặc khu bố trí kinh phí đảm bảo hoàn thành các nhiệm vụ được phê duyệt tại Kế hoạch này trong khả năng cân đối ngân sách nhà nước, đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước, các quy định có liên quan; hướng dẫn các cơ quan, đơn vị quản lý, sử dụng kinh phí chi cho chuyển đổi số đúng quy định hiện hành.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thúc đẩy thương mại điện tử, phát triển thương mại số, chuyển đổi số lĩnh vực công thương, đặc biệt là thương mại điện tử tại các cơ sở kinh doanh các mặt hàng nông nghiệp, khô, hải sản các loại.

4. Trung tâm Phục vụ hành chính công

- Nâng cao chất lượng kết quả giải quyết thủ tục hành chính; tái cấu trúc quy trình thủ tục hành chính; rà soát, đánh giá thủ tục hành chính đáp ứng yêu cầu xây dựng dịch vụ công trực tuyến theo các mức độ.

- Chủ trì, phối hợp các cơ quan chuyên môn của Ủy ban nhân dân đặc khu trong việc chuẩn hóa danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của các cơ quan, đơn vị; kịp thời công khai các thủ tục hành chính trên Cổng dịch vụ công quốc gia đảm bảo đúng quy định.

5. Công an đặc khu

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tham mưu, UBND đặc khu triển khai các nhiệm vụ về đảm bảo an ninh, an toàn thông tin mạng trên địa bàn đặc khu và các nội dung tại Đề án 06.

- Triển khai thực hiện tốt các chương trình, kế hoạch của ngành gắn với trách nhiệm thực hiện Đề án 06 trên địa bàn đặc khu.

- Theo dõi, giám sát việc thực hiện Đề án 06 trên địa bàn đặc khu, kịp thời tham mưu, tổng hợp báo cáo và đề xuất kiến nghị lĩnh vực ngành phụ trách về Ban Chỉ đạo đặc khu. Báo cáo định kỳ, đột xuất việc thực hiện Đề án 06 về Ban Chỉ đạo và ngành cấp trên đúng quy định.

6. Trạm y tế đặc khu

Chủ trì phối hợp với Trung tâm Y tế Kiên Hải và các cơ quan liên quan xây dựng Kế hoạch triển khai ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong ngành Y tế. Triển khai giải pháp thanh toán không dùng tiền mặt trong ngành Y tế trên địa bàn đặc khu.

7. Trung tâm Dịch vụ tổng hợp đặc khu

Thực hiện thông tin, tuyên truyền, truyền thông các chủ trương, định hướng chuyển đổi số, phát triển chính quyền số, kinh tế số, xã hội số; chương trình, kế hoạch chuyển đổi số của đặc khu; vai trò, lợi ích của chuyển đổi số đối với người dân, doanh nghiệp; sử dụng dịch vụ công trực tuyến; các mô hình, cách làm hay, sáng kiến điển hình để phổ biến, nhân rộng; các hoạt động khuyến khích, thúc đẩy thi đua chuyển đổi số; gắn kết cải cách hành chính với chuyển đổi số;... nhằm nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ cho người dân, doanh nghiệp; tuyên truyền, phòng chống lừa đảo trực tuyến, bảo vệ thông tin cá nhân.

8. Đề nghị Mặt trận tổ quốc Việt Nam đặc khu và các đoàn thể chính trị - xã hội đặc khu

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ tích cực tuyên truyền, phổ biến kế hoạch này đến đoàn viên, hội viên và các tầng lớp nhân dân; theo dõi, giám sát,

phản biện việc thực hiện. Đồng thời lãnh đạo, chỉ đạo triển khai các giải pháp nhằm duy trì và tiếp tục phát triển các ứng dụng CNTT, Chuyển đổi số tại cơ quan, đơn vị góp phần phát triển Chính quyền số gắn với cải cách hành chính trên địa bàn đặc khu.

Trên đây là Kế hoạch chuyển đổi số trên địa đặc Khu Kiên Hải năm 2026, trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị kịp thời báo cáo về Ủy ban nhân dân đặc khu (qua Phòng Văn hóa - Xã hội là cơ quan thường trực) xem xét điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

Nơi nhận:

- VP. UBND tỉnh (b/c);
- Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh (b/c);
- TT. Đảng ủy đặc khu (nhận biết);
- TT. HĐND đặc khu (nhận biết);
- Chủ tịch và các PCT. UBND đặc khu;
- BCĐ chuyển đổi số đặc khu;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam đặc khu;
- Các ban, ngành đặc khu;
- Lưu: VT, PVHXXH.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Minh Trị